

Số: 2026/TT-BTC

Hà Nội, ngày tháng năm 2026

DỰ THẢO NGÀY 2.4.2026

THÔNG TƯ

Hướng dẫn về phân loại hàng hoá, phân tích để phân loại hàng hoá

Căn cứ Luật Hải quan số 54/2014/QH13 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 90/2025/QH15;

Căn cứ Luật Quản lý thuế số 108/2025/QH15;

Căn cứ Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu số 107/2016/QH13;

Căn cứ Luật Thương mại số 36/2005/QH11;

Căn cứ Luật Chất lượng sản phẩm, hàng hóa số 05/2007/QH11 được sửa đổi, bổ sung bởi Luật số 78/2025/QH15;

Căn cứ Nghị định số 08/2015/NĐ-CP quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra, giám sát, kiểm soát hải quan được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị Định số 167/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Quản lý thuế;

Căn cứ Nghị định số 134/2016/NĐ-CP quy định chi tiết thi hành một số điều của Luật Thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 18/2021/NĐ-CP và Nghị định số 182/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 20/2006/NĐ-CP quy định chi tiết Luật Thương mại về kinh doanh dịch vụ giám định thương mại được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị Định số 125/2014/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 29/2025/QĐ-BTC quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Tài chính được sửa đổi, bổ sung bởi Nghị định số 166/2025/NĐ-CP;

Căn cứ Nghị định số 69/2018/NĐ-CP của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật Quản lý ngoại thương;

Thực hiện Quyết định số 49/QĐ-CTN ngày 06 tháng 3 năm 1998 của Chủ tịch nước Cộng hòa xã hội chủ nghĩa Việt Nam về việc Việt Nam tham gia Công ước Quốc tế về Hệ thống hài hòa mô tả và mã hóa hàng hóa;

Thực hiện Nghị định thư quy định việc thực hiện Danh mục thuế quan hài hòa ASEAN;

Theo đề nghị của Cục trưởng Cục Hải quan;

Bộ trưởng Bộ Tài chính ban hành Thông tư hướng dẫn về phân loại hàng hóa, phân tích để phân loại hàng hóa.

Chương I

QUY ĐỊNH CHUNG

Điều 1. Phạm vi điều chỉnh và đối tượng áp dụng

1. Thông tư này hướng dẫn việc phân loại hàng hóa; sử dụng kết quả phân tích hàng hóa để phân loại hàng hoá; xây dựng và sử dụng cơ sở dữ liệu về Danh mục hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam.

2. Người khai hải quan, cơ quan hải quan, công chức hải quan và các tổ chức, cá nhân khác khi thực hiện các công việc có liên quan đến phân tích hàng hóa, phân loại hàng hoá là đối tượng thực hiện Thông tư này.

Điều 2. Giải thích từ ngữ

Trong Thông tư này, các từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

1. *Công ước Quốc tế về Hệ thống hài hòa mô tả và mã hóa hàng hóa* (International Convention on the Harmonized Commodity Description and Coding System) (gọi tắt là Công ước HS) là Công ước do Hội đồng hợp tác Hải quan, nay gọi là Tổ chức Hải quan Thế giới (WCO) thông qua ngày 14 tháng 6 năm 1983 tại Bruxelles, Vương quốc Bỉ về “Hệ thống hài hòa mô tả và mã hóa hàng hóa”.

2. *Hệ thống hài hòa mô tả và mã hóa hàng hóa của Tổ chức Hải quan Thế giới* (sau đây gọi tắt là *Hệ thống HS*), là hệ thống bao gồm danh mục những nhóm hàng, phân nhóm hàng cùng các mã số có liên quan, chú giải pháp lý Phần, Chương, Phân nhóm và các Quy tắc tổng quát.

3. *Danh mục hài hòa mô tả và mã hóa hàng hóa của Tổ chức Hải quan Thế giới* (sau đây gọi tắt là *Danh mục HS*) là danh mục những nhóm hàng (mã 4 chữ số), phân nhóm hàng (mã 6 chữ số), chú giải pháp lý Phần, Chương, Phân nhóm được sắp xếp một cách có hệ thống ứng với tên, mô tả và mã số hàng hóa.

4. *Quy tắc tổng quát* là các quy tắc chung để giải thích Hệ thống HS nhằm phân loại hàng hóa vào một nhóm, phân nhóm nhất định.

5. *Chú giải pháp lý* là những nội dung giải thích các phần, chương, nhóm và phân nhóm được gắn kèm ở đầu các Phần, Chương của danh mục HS.

6. *Danh mục thuế quan hài hòa ASEAN* (sau đây gọi tắt là Danh mục AHTN) là danh mục hàng hóa của các nước ASEAN, được xây dựng trên cơ sở Hệ thống HS của Tổ chức Hải quan Thế giới.

7. *Phân tích hàng hóa* là việc đơn vị kiểm định hải quan phân tích mẫu hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu bằng máy móc, thiết bị kỹ thuật:

a) Xác định thành phần, cấu tạo, tính chất lý, hóa, công dụng để xác định tên gọi, mã số hàng hóa theo Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam.

b) Kiểm tra, đánh giá các tiêu chí kỹ thuật của hàng hoá, xác định các tiêu chuẩn chất lượng hàng hoá theo tiêu chuẩn quốc gia do các cơ quan quản lý nhà nước ban hành hoặc tiêu chuẩn quốc tế làm căn cứ quyết định thông quan hàng hóa

8. *Giám định, thử nghiệm hàng hóa* là việc cơ quan hải quan trung cầu giám định, thử nghiệm tại các tổ chức giám định, thử nghiệm theo quy định của pháp luật để xác định cấu tạo, thành phần, tính chất lý, hóa, công dụng của hàng hóa theo yêu cầu của cơ quan hải quan để xác định tên hàng, mã số hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

Điều 3. Phân tích để phân loại hàng hóa

1. Trường hợp cơ quan hải quan không đủ cơ sở để xác định tính chính xác việc phân loại hàng hóa của người khai hải quan thì thực hiện phân tích để phân loại hàng hóa theo quy định khoản 5 Điều 29 Nghị định 08/2015/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP.

2. Trường hợp cơ quan hải quan không đủ điều kiện thực hiện phân tích hàng hóa hoặc đơn vị kiểm định hải quan cần kiểm chứng các tiêu chí kỹ thuật thì sử dụng dịch vụ giám định, thử nghiệm của các tổ chức giám định, thử nghiệm theo quy định của pháp luật để làm cơ sở thực hiện.

3. Người khai hải quan có thể sử dụng các dịch vụ giám định, thử nghiệm hàng hóa của các tổ chức giám định, thử nghiệm theo quy định của pháp luật hoặc cơ sở dữ liệu về Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam để xác định các thông tin về thành phần, tính chất lý, hóa, tính năng, công dụng của hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

Chương II

PHÂN LOẠI HÀNG HÓA

Điều 4. Nguyên tắc phân loại hàng hóa

1. Một mặt hàng có một mã số duy nhất theo Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam.

2. Khi phân loại hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu, phải tuân thủ:

a) Điều 26 Luật Hải quan số 54/2014/QH13;

b) Điều 16 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP;

- c) Danh mục hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam;
- d) Quy tắc tổng quát giải thích việc phân loại hàng hóa theo Hệ thống hài hoà mô tả và mã hoá hàng hoá;
- e) Các nội dung hướng dẫn tại Thông tư này.

Điều 5. Sử dụng kết quả phân loại hàng hóa

1. Kết quả phân loại hàng hóa được sử dụng để áp dụng chính sách quản lý hàng hóa trên cơ sở thực hiện quy định về điều kiện, thủ tục, hồ sơ áp dụng tại Danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu, tạm ngừng xuất khẩu; Danh mục hàng hóa cấm nhập khẩu, tạm ngừng nhập khẩu; Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo giấy phép của cơ quan nhà nước có thẩm quyền; Danh mục hàng hóa thuộc đối tượng kiểm tra chuyên ngành có hiệu lực tại thời điểm đăng ký tờ khai.

2. Kết quả phân loại hàng hóa được sử dụng để áp dụng mức thuế đối với một mặt hàng trên cơ sở thực hiện quy định tại các Biểu thuế áp dụng đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu có hiệu lực tại thời điểm đăng ký tờ khai và điều kiện, thủ tục, hồ sơ để được áp dụng mức thuế quy định tại các văn bản quy phạm pháp luật về thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

Điều 6. Phân loại hàng hóa, áp dụng mức thuế đối với một số trường hợp đặc biệt

1. Trường hợp thực hiện phân loại hàng hóa theo quy định tại Điều 4 Thông tư này nhưng chưa xác định được mã số duy nhất theo Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam thì sử dụng các tài liệu sau:

- a) Chú giải chi tiết Danh mục HS;
- b) Tuyên tập ý kiến phân loại của WCO;
- c) Chú giải bổ sung Danh mục AHTN;
- d) Cơ sở dữ liệu về Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam

2. Trường hợp có sự khác biệt về mô tả hàng hóa tại Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam và mô tả hàng hóa theo Danh mục HS, Danh mục AHTN thì áp dụng trực tiếp mô tả hàng hóa theo Danh mục HS, Danh mục AHTN để phân loại và hướng dẫn phân loại theo nguyên tắc áp dụng quy định của Điều ước quốc tế mà Việt Nam là thành viên.

3. Trường hợp thực hiện quy định tại Điều 4 và khoản 1 Điều 6 Thông tư này chưa đủ cơ sở để xác định tên gọi, mô tả hàng hóa theo Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam thì áp dụng các tiêu chí, tiêu chuẩn, quy chuẩn do cơ quan, tổ chức, đơn vị có thẩm quyền ban hành theo quy định để làm cơ sở xác định tên gọi, mô tả hàng hóa, mã số theo Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam.

4. Trường hợp có sự khác biệt về phân loại hàng hóa khi áp dụng Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam và Danh mục hàng hóa quản lý chuyên ngành thì thực hiện theo pháp luật hải quan.

5. Trường hợp mặt hàng mới, phức tạp, khó phân loại, Cục trưởng Cục Hải quan trên cơ sở ý kiến của Bộ, cơ quan ngang Bộ quản lý chuyên ngành, Ủy ban HS thuộc Tổ chức hải quan thế giới hoặc Nhóm kỹ thuật về phân loại hàng hóa của ASEAN ban hành văn bản sửa đổi, hướng dẫn phân loại làm ảnh hưởng đến quá trình khai báo hải quan về mã số, mức thuế và hiệu quả của hoạt động sản xuất kinh doanh của người khai hải quan, người nộp thuế thì thực hiện phân loại hàng hóa kể từ ngày văn bản sửa đổi, hướng dẫn phân loại được ban hành.

Điều 7. Phân loại máy liên hợp hoặc tổ hợp máy và máy móc, thiết bị ở dạng chưa lắp ráp hoặc tháo rời

1. Hàng hóa là máy liên hợp (gồm hai hay nhiều máy) hoặc tổ hợp máy thuộc các Chương 84, Chương 85 và Chương 90 của Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam được nhập khẩu từ một nguồn hay nhiều nguồn, về nhiều chuyến, làm thủ tục tại một hay nhiều đơn vị hải quan khác nhau thì người khai hải quan được lựa chọn phân loại theo từng máy móc, thiết bị hoặc theo quy định tại Chú giải pháp lý 3, 4, 5 Phần XVI của Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam.

Trường hợp phân loại theo quy định tại Chú giải pháp lý 3, 4, 5 Phần XVI của Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam thì thực hiện theo hướng dẫn tại khoản 3, khoản 4, khoản 5 dưới đây.

2. Hàng hóa là máy móc, thiết bị ở dạng chưa lắp ráp hoặc tháo rời thường do yêu cầu đóng gói, bảo quản hoặc vận chuyển thực hiện phân loại theo quy tắc 2a của 6 (sáu) quy tắc tổng quát giải thích Hệ thống HS.

Trường hợp hàng hóa được nhập khẩu từ một nguồn hay nhiều nguồn, về nhiều chuyến, làm thủ tục tại một hay nhiều đơn vị hải quan khác nhau thì người khai hải quan, cơ quan hải quan thực hiện theo hướng dẫn tại khoản 3, khoản 4, khoản 5 dưới đây.

3. Hồ sơ đăng ký Danh mục:

a) Danh mục máy móc, thiết bị; các chi tiết, linh kiện rời của máy móc, thiết bị (theo mẫu số 01/ĐKDMTB/2025 tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 121/2025/TT-BTC ngày 18/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính).

b) Phiếu theo dõi trừ lùi (theo mẫu số 02/PTDTL-DMTB/2025 tại Phụ lục V ban hành kèm theo Thông tư số 121/2025/TT-BTC ngày 18/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính).

4. Thủ tục thực hiện đối với người khai hải quan:

a) Người khai hải quan nộp hồ sơ đăng ký Danh mục quy định tại khoản 3 Điều này bằng phương thức điện tử trước thời điểm đăng ký tờ khai hải quan nhập khẩu lô hàng đầu tiên tại cơ quan hải quan nơi thuận tiện nhất.

b) Trường hợp Danh mục đã đăng ký nhưng người khai hải quan cần sửa đổi, bổ sung thì người khai hải quan nộp Danh mục sửa đổi, bổ sung cho cơ quan hải quan nơi người khai hải quan đăng ký Danh mục trước thời điểm đăng ký tờ khai hải quan nhập khẩu lô hàng đầu tiên hoặc trước thời điểm đăng ký tờ khai hải quan nhập khẩu lô hàng tiếp theo có sửa đổi, bổ sung Danh mục.

c) Trường hợp mất Danh mục hoặc Phiếu theo dõi trừ lùi thì người khai hải quan có văn bản gửi cơ quan hải quan nơi đăng ký Danh mục lần đầu đề nghị cấp lại Danh mục; lập phiếu theo dõi trừ lùi mới trong đó tự kê khai và chịu trách nhiệm trước pháp luật về số tờ khai và số lượng máy móc, thiết bị hoặc chi tiết, linh kiện trong Danh mục đã nhập khẩu gửi cơ quan hải quan nơi làm thủ tục nhập khẩu lô hàng tiếp theo.

d) Khai báo tờ khai nhập khẩu

Người khai hải quan khai số Danh mục đã đăng ký/sửa đổi tại chi tiêu thông tin 1.38 “*Giấy phép nhập khẩu*”, khai số Phiếu theo dõi trừ lùi tại chi tiêu thông tin 1.68 “*Phần ghi chú*” và khai số thứ tự dòng hàng trong Danh mục tương ứng với dòng hàng đang làm thủ tục nhập khẩu tại chi tiêu thông tin 1.75 “*Mã quản lý riêng*” trên Mẫu số 01- Tờ khai điện tử nhập khẩu.

5. Thủ tục thực hiện đối với cơ quan hải quan:

a) Tiếp nhận hồ sơ đăng ký Danh mục

a.1) Cơ quan hải quan thực hiện tiếp nhận và kiểm tra hồ sơ đăng ký Danh mục, hồ sơ Danh mục sửa đổi, bổ sung do người khai hải quan nộp theo khoản 3 Điều này. Trường hợp hồ sơ đăng ký Danh mục hoặc hồ sơ đăng ký sửa đổi, bổ sung Danh mục đúng quy định thì cơ quan hải quan xác nhận lên Danh mục và Phiếu theo dõi trừ lùi. Lưu 01 bản Danh mục, giao cho người khai hải quan 01 bản Danh mục kèm 01 bản Phiếu theo dõi trừ lùi.

Trường hợp người khai hải quan làm thủ tục nhập khẩu tại cơ quan hải quan khác với cơ quan hải quan nơi đăng ký Danh mục thì cơ quan hải quan nơi làm thủ tục nhập khẩu tiếp nhận Danh mục kèm phiếu theo dõi trừ lùi do người khai hải quan đăng ký, thực hiện phân loại và trừ lùi theo hướng dẫn tại điểm b dưới đây.

a.2) Trường hợp người khai hải quan mất Danh mục hoặc Phiếu theo dõi trừ lùi: trên cơ sở đề nghị của người khai hải quan, cơ quan hải quan nơi người khai hải quan đăng ký Danh mục đồng thời là cơ quan hải quan làm thủ tục nhập khẩu thực hiện kiểm tra và cấp lại Danh mục; kiểm tra các nội dung tự kê khai trên Phiếu theo dõi trừ lùi mới do người khai hải quan lập, đối chiếu với các thông tin trên hệ thống của cơ quan hải quan để xác nhận Phiếu theo dõi trừ lùi các máy móc, thiết bị hoặc chi tiết, linh kiện chưa nhập khẩu.

Trường hợp người khai hải quan làm thủ tục nhập khẩu tại cơ quan hải quan khác với nơi đăng ký Danh mục thì cơ quan hải quan nơi làm thủ tục nhập khẩu lô hàng tiếp theo tiếp nhận Phiếu theo dõi trừ lùi mới do người khai hải quan lập, thực hiện kiểm tra, đối chiếu và xác nhận Phiếu theo dõi trừ lùi tương

tự như nội dung hướng dẫn đối với cơ quan hải quan nơi người khai hải quan đăng ký Danh mục đồng thời là cơ quan hải quan làm thủ tục nhập khẩu.

b) Kiểm tra tờ khai nhập khẩu

b.1) Ngoài thủ tục hải quan theo quy định, cơ quan hải quan nơi làm thủ tục nhập khẩu kiểm tra, đối chiếu hồ sơ hải quan với Danh mục đã đăng ký, Phiếu theo dõi trừ lùi để trừ lùi những máy móc, thiết bị hoặc chi tiết, linh kiện đã thực tế nhập khẩu và xác nhận số lượng hàng hóa đã trừ lùi. Lưu 01 bản Danh mục và 01 bản Phiếu theo dõi trừ lùi đã thực hiện trừ lùi vào hồ sơ hải quan.

b.2) Hết lượng hàng hoá nhập khẩu, lãnh đạo cơ quan hải quan nơi làm thủ tục cho lô hàng cuối cùng xác nhận “đã nhập hết hàng hóa theo danh mục số...” lên Phiếu theo dõi trừ lùi của người khai hải quan, lưu 01 bản, chuyển cho người khai hải quan 01 bản, trường hợp không phải là nơi cấp Phiếu theo dõi trừ lùi thì gửi 01 bản đến cơ quan hải quan nơi cấp Phiếu theo dõi trừ lùi. Cơ quan hải quan nơi cấp Phiếu theo dõi trừ lùi chuyển 01 bản Phiếu theo dõi trừ lùi kèm hồ sơ đăng ký danh mục đến đơn vị hải quan có thẩm quyền để thực hiện kiểm tra theo quy định về kiểm tra sau thông quan.

6. Cơ quan hải quan nơi đăng ký Danh mục tổ chức phân loại, xác định rủi ro các hồ sơ có dấu hiệu nghi vấn, làm thủ tục nhập khẩu quá thời hạn để có kế hoạch kiểm tra theo quy định.

7. Trường hợp khai bổ sung (nếu có) thực hiện theo quy định của Bộ Tài chính về thủ tục hải quan; kiểm tra, giám sát hải quan; thuế xuất khẩu, thuế nhập khẩu và quản lý thuế đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu.

Chương III

PHÂN TÍCH, GIÁM ĐỊNH, THỬ NGHIỆM ĐỂ PHÂN LOẠI HÀNG HÓA

Điều 8. Hồ sơ yêu cầu phân tích hàng hóa

1. Hồ sơ yêu cầu phân tích, phân loại hàng hóa:

a) Phiếu yêu cầu phân tích hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu kèm biên bản lấy mẫu (theo mẫu số 01/PYCPT/2026 Phụ lục II ban hành kèm Thông tư này). Trường hợp có hai mặt hàng trở lên trên cùng một tờ khai cần lấy mẫu thì lập 01 Phiếu yêu cầu phân tích phân loại hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu kèm Biên bản lấy mẫu hàng hóa kèm theo phụ lục thông tin hàng hóa.

b) Phiếu ghi số, ngày văn bản, chứng từ thuộc hồ sơ hải quan liên quan đến mẫu hàng hóa theo mẫu số 05/PGTL/2026 Phụ lục II ban hành kèm Thông tư này (trong trường hợp khai tờ khai hải quan giấy).

c) Mẫu hàng hóa yêu cầu phân tích.

d) Tài liệu kỹ thuật của hàng hoá hoặc bản phân tích thành phần sản phẩm. Trường hợp không có tài liệu kỹ thuật hoặc bản phân tích thành phần sản phẩm thì cơ quan hải quan nơi gửi hồ sơ phải nêu rõ lý do tại mục 12 mẫu số

01/PYCPT/2026 về Phiếu yêu cầu phân tích hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu kèm biên bản lấy mẫu ban hành kèm theo Thông tư này.

2. Hồ sơ yêu cầu kiểm tra, đánh giá tiêu chí kỹ thuật của hàng hóa:

Thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 29 Thông tư 38/2015/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư 39/2018/TT-BTC và Thông tư 121/2025/TT-BTC.

Điều 9. Mẫu hàng hóa yêu cầu phân tích

1. Lấy mẫu hàng hóa.

a) Hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu phải lấy mẫu để phân tích thực hiện theo quy định tại khoản 5 Điều 29 Nghị định 08/2015/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP. Khi lấy mẫu phải lập Phiếu yêu cầu phân tích hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu kèm biên bản lấy mẫu theo quy định tại Điều 8 nêu trên.

Mẫu được lấy từ chính lô hàng cần phân tích và mang tính đại diện; phải đủ về số lượng, khối lượng để phục vụ cho việc trưng cầu giám định, thử nghiệm hoặc giải quyết khiếu nại, khiếu kiện. Khi lấy mẫu phải có đại diện của người khai hải quan. Mẫu phải được các bên ký xác nhận và niêm phong riêng biệt từng mẫu. Khi bàn giao mẫu phải có biên bản bàn giao và ký xác nhận của các bên.

Trường hợp lấy mẫu nhưng vắng mặt người khai hải quan, cơ quan hải quan lấy mẫu với sự chứng kiến của đại diện ít nhất một trong các bên sau: Doanh nghiệp kinh doanh cảng, kho, bãi hoặc cơ quan nhà nước tại khu vực cửa khẩu hoặc đại diện doanh nghiệp vận tải và phải có ký xác nhận của bên chứng kiến.

b) Số lượng mẫu: 02 mẫu.

c) Giao nhận mẫu: Cơ quan hải quan nơi có yêu cầu phân tích trực tiếp gửi mẫu hoặc gửi mẫu qua đường bưu điện.

Mẫu chỉ có giá trị pháp lý khi còn nguyên niêm phong.

2. Người khai hải quan có trách nhiệm xuất trình hàng hóa để cơ quan hải quan lấy mẫu thực hiện phân tích.

3. Sử dụng mẫu hàng hóa:

a) Phân tích: cơ quan hải quan tiếp nhận mẫu (theo mẫu số 02/PTNYCPT/2026 Phụ lục II ban hành kèm Thông tư này) và thực hiện phân tích;

b) Lưu mẫu: trong thời hạn 120 ngày kể từ ngày ban hành Thông báo kết quả phân tích, phân loại hàng hóa; Thông báo kết quả kiểm tra, đánh giá tiêu chí kỹ thuật trừ những loại hàng hóa đặc biệt như hàng hóa dễ gây nguy hiểm, hàng hóa đã bị biến chất hoặc hàng hóa không thể lưu giữ được trong thời gian trên.

Trường hợp người khai hải quan không đồng ý với kết quả phân tích và đề nghị giám định, thử nghiệm tại các tổ chức có chức năng theo quy định của pháp luật hoặc khiếu kiện, khiếu nại liên quan đến kết quả phân tích, phân loại thì cơ quan hải quan lưu mẫu cho đến khi có quyết định giải quyết khiếu kiện, khiếu nại.

c) Trả lại mẫu hàng hóa:

Trường hợp người khai hải quan yêu cầu trả lại mẫu thì cơ quan hải quan lập biên bản trả mẫu cho người khai hải quan (theo mẫu số 03/BBTLMHH/2026 Phụ lục II ban hành kèm Thông tư này) và không chịu trách nhiệm về phẩm chất hàng hóa đối với những mẫu được trả lại do đã chịu tác động của quá trình phân tích mẫu. Trường hợp trả lại mẫu hàng hóa đang trong thời hạn lưu mẫu theo quy định tại điểm b khoản 3 Điều này, người khai hải quan đã công nhận kết quả phân tích, phân loại thì không được khiếu nại về kết quả phân tích, phân loại.

d) Hủy mẫu hàng hóa đã phân tích:

Cơ quan hải quan hủy mẫu khi mẫu hết hạn lưu giữ theo quy định; mẫu hàng hóa dễ gây nguy hiểm; mẫu hàng hóa đã bị biến chất hoặc mẫu hàng hóa không còn khả năng lưu giữ. Quyết định hủy mẫu và biên bản hủy mẫu được lưu theo quy định về lưu giữ hồ sơ.

4. Quy trình kỹ thuật, chứng từ đối với việc lấy mẫu, quyết định huỷ mẫu thực hiện theo quy định tại phụ lục I kèm theo Thông tư này.

5. Trường hợp cơ quan hải quan gửi mẫu trung cầu giám định, thử nghiệm tại các tổ chức giám định, thử nghiệm thì lập hồ sơ, thực hiện thủ tục gửi mẫu giám định, thử nghiệm theo quy định của pháp luật.

Điều 10. Thông báo kết quả phân tích, phân loại hàng hóa; Thông báo kết quả kiểm tra, đánh giá tiêu chí kỹ thuật

1. Chi cục trưởng Chi cục Kiểm định chịu trách nhiệm thực hiện ban hành Thông báo kết quả phân tích, phân loại hàng hóa và Thông báo kết quả kiểm tra, đánh giá tiêu chí kỹ thuật.

2. Trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, trường hợp thời gian phân tích phụ thuộc thời gian do yêu cầu quy trình kỹ thuật phân tích hoặc mẫu hàng hóa phức tạp thì không quá 20 ngày làm việc kể từ ngày tiếp nhận đủ hồ sơ và mẫu phân tích, đơn vị kiểm định hải quan ban hành Thông báo kết quả phân tích, phân loại hàng hóa (theo mẫu số 04/TBKQPTPL/2026 Phụ lục II ban hành kèm theo Thông tư này) và Thông báo kết quả kiểm tra, đánh giá tiêu chí kỹ thuật (theo mẫu số 43-KQKTĐG/KĐHQ Phụ lục I ban hành kèm theo Thông tư Thông tư 121/2025/TT-BTC ngày ngày 18/12/2025 của Bộ trưởng Bộ Tài chính).

3. Trường hợp đơn vị kiểm định hải quan gửi mẫu trung cầu giám định, thử nghiệm tại các tổ chức giám định, thử nghiệm thì trong thời hạn không quá 05 ngày làm việc, trường hợp mẫu hàng hóa phức tạp cần có thêm thời gian thì không quá 08 ngày làm việc kể từ ngày nhận được kết quả giám định, thử

nghiệm hàng hóa, đơn vị kiểm định hải quan ban hành Thông báo kết quả phân tích, phân loại hàng hóa.

4. Việc ban hành và sử dụng Thông báo kết quả kiểm tra, đánh giá tiêu chí kỹ thuật thực hiện theo quy định tại điểm a khoản 5 Điều 29 Thông tư 38/2015/TT-BTC được sửa đổi, bổ sung bởi Thông tư 39/2018/TT-BTC và Thông tư 121/2025/TT-BTC.

5. Thông báo kết quả phân tích, phân loại hàng hóa; Thông báo kết quả kiểm tra, đánh giá tiêu chí kỹ thuật là cơ sở để xác định mã số, mức thuế, thực hiện chính sách quản lý hàng hóa; được cập nhật vào cơ sở dữ liệu của cơ quan hải quan và công khai trên trang thông tin điện tử của Cục Hải quan (ngoại trừ thông tin về tên, địa chỉ, mã số thuế của đơn vị xuất khẩu, nhập khẩu, số tờ khai, quy trình sản xuất, ký hiệu sản phẩm, mã CAS).

6. Trường hợp người khai hải quan không đồng ý với Thông báo kết quả phân tích, phân loại hàng hóa thì thực hiện khiếu nại theo Luật Khiếu nại hoặc trưng cầu giám định, thử nghiệm theo quy định tại Điều 30 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP.

Chương IV

CƠ SỞ DỮ LIỆU VỀ DANH MỤC HÀNG HÓA XUẤT KHẨU, NHẬP KHẨU VIỆT NAM

Điều 11. Nguồn thông tin xây dựng Cơ sở dữ liệu về Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu

1. Công ước HS và các phụ lục kèm theo;
2. Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam;
3. Danh mục hàng hóa cấm xuất khẩu, cấm nhập khẩu, Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu theo giấy phép, theo điều kiện, Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu thuộc diện quản lý chuyên ngành theo quy định tại Nghị định số 69/2018/NĐ-CP;
4. Văn bản hướng dẫn về phân loại hàng hóa của Bộ Tài chính, Cục Hải quan;
5. Nguồn thông tin khác từ:
 - a) Các văn bản giải quyết khiếu nại về phân loại hàng hóa, áp dụng mức thuế của Bộ Tài chính, Cục Hải quan;
 - b) Thông báo kết quả phân tích, phân loại hàng hóa; Thông báo kết quả phân tích kèm mã số hàng hóa; Thông báo kết quả kiểm tra, đánh giá tiêu chí kỹ thuật;
 - c) Thông báo kết quả xác định trước mã số hàng hóa.

Điều 12. Thẩm quyền thu thập, cập nhật, sửa đổi Cơ sở dữ liệu về Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam

1. Cục Hải quan tổ chức xây dựng cơ sở dữ liệu về Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam theo quy định tại Điều 18 Nghị định số 08/2015/NĐ-CP được sửa đổi bổ sung bởi Nghị định số 167/2025/NĐ-CP, đảm bảo tính đầy đủ, toàn diện, tập trung, thống nhất và cập nhật kịp thời.

2. Thông tin trong cơ sở dữ liệu được bổ sung, sửa đổi khi các nguồn thông tin nêu tại Điều 11 Thông tư này thay đổi.

3. Cục Hải quan công khai các thông tin nêu tại Điều 11 Thông tư này trên trang thông tin điện tử của Cục Hải quan để người khai hải quan, các cơ quan quản lý nhà nước có liên quan, cơ quan hải quan các cấp, công chức hải quan sử dụng.

Chương V

ĐIỀU KHOẢN THI HÀNH

Điều 13. Hiệu lực thi hành

1. Thông tư này có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 09 năm 2026.

2. Bãi bỏ Thông tư số 14/2015/TT-BTC ngày 30 tháng 1 năm 2015 của Bộ Tài chính hướng dẫn về phân loại hàng hoá, phân tích để phân loại hàng hoá; phân tích để kiểm tra chất lượng, kiểm tra an toàn thực phẩm đối với hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu và Thông tư số 17/2021/TT-BTC ngày 26 tháng 2 năm 2021 của Bộ Tài chính sửa đổi, bổ sung một số Điều tại Thông tư số 14/2015/TT-BT.

3. Quá trình thực hiện, nếu các văn bản liên quan đề cập tại Thông tư này được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế thì thực hiện theo văn bản mới được sửa đổi, bổ sung hoặc thay thế.

Điều 14. Điều khoản chuyển tiếp

1. Trường hợp hàng hóa thuộc tờ khai hải quan đăng ký đã được lấy mẫu hàng hóa để phân tích, giám định, thử nghiệm nhưng đến ngày Thông tư này có hiệu lực thi hành chưa có kết quả thì thực hiện theo quy định của văn bản liên quan có hiệu lực tại thời điểm đăng ký tờ khai.

Việc thực hiện phân loại hàng hóa, lấy mẫu, gửi mẫu, lưu mẫu phân tích, thực hiện phân tích, phân loại, giám định, thử nghiệm tiếp tục thực hiện theo pháp luật áp dụng tại thời điểm trước khi Thông tư này có hiệu lực.

2. Trường hợp nhập khẩu máy móc, thiết bị đồng bộ và hoặc chi tiết, linh kiện theo Danh mục đã đăng ký trước thời điểm có hiệu lực của Thông tư này thì vẫn tiếp tục thực hiện theo quy định tại Thông tư số 14/2015/TT-BTC cho đến khi nhập hết hàng hóa theo danh mục.

Điều 15. Tổ chức thực hiện

1. Cục trưởng Cục Hải quan căn cứ vào Thông tư này ban hành quy trình thủ tục hải quan về phân loại hàng hóa phải phân tích, quy chế phân tích để phân loại hàng hóa, quy chế xây dựng, thu thập, cập nhật Cơ sở dữ liệu; xây dựng và

đảm bảo cơ sở vật chất, thiết bị máy móc, nguồn nhân lực để thực hiện hiệu quả nhiệm vụ phân tích hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu; hướng dẫn các đơn vị hải quan thực hiện thống nhất, bảo đảm tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động xuất khẩu, nhập khẩu, thực hiện tốt công tác quản lý nhà nước về hải quan;

2. Cơ quan hải quan, người khai hải quan, người nộp thuế và các tổ chức, cá nhân có liên quan có trách nhiệm thực hiện việc phân loại hàng hóa, phân tích hàng hóa, giám định, thử nghiệm hàng hóa theo đúng quy định hiện hành và hướng dẫn tại Thông tư này. Quá trình thực hiện có phát sinh vướng mắc, cơ quan hải quan, người khai hải quan, người nộp thuế và các tổ chức, cá nhân có liên quan báo cáo, phản ánh về Bộ Tài chính (Cục Hải quan) để được xem xét, hướng dẫn giải quyết kịp thời.

Nơi nhận:

- VP TW Đảng và các Ban của Đảng;
- Hội đồng dân tộc, VP Quốc Hội, VP Chủ tịch nước, VPCP;
- Viện kiểm sát NDTC, Tòa án NDTC;
- Kiểm toán Nhà nước;
- Các Bộ, cơ quan ngang Bộ, cơ quan thuộc Chính phủ
- Văn phòng BCĐ TW về phòng chống tham nhũng;
- UBND tỉnh, thành phố trực thuộc TW;
- Phòng Thương mại và Công nghiệp Việt Nam;
- Công báo;
- Cục kiểm tra văn bản và tổ chức thi hành pháp luật – Bộ Tư pháp;
- Website Chính phủ;
- Các đơn vị thuộc Bộ Tài chính, Website Bộ Tài chính;
- Chi cục Hải quan khu vực;
- Website Cục Hải quan;
- Lưu VT; TCHQ (220).

**KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG**

Nguyễn Đức Chi

Phụ lục I

KỸ THUẬT LẤY MẪU VÀ BAO BÌ ĐỰNG MẪU YÊU CẦU PHÂN TÍCH PHÂN LOẠI, KIỂM TRA, ĐÁNH GIÁ TIÊU CHÍ KỸ THUẬT

(Ban hành kèm theo Quyết định số /QĐ-CHQ ngày tháng năm 2025
của Cục trưởng Cục Hải quan)

Phần I

NGUYÊN TẮC LẤY MẪU

1. Việc lấy mẫu hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu để phân tích phân loại được thực hiện theo quy định tại khoản 1 Điều 10 Thông tư số 14/2015/TT-BTC, được sửa đổi, bổ sung tại khoản 3 Điều 1 Thông tư số 17/2021/TT-BTC của Bộ Tài chính.

2. Trước khi lấy mẫu, cần nghiên cứu kỹ hồ sơ và thực tế lô hàng, các ký hiệu, biểu tượng trên nhãn mác, bao bì nhằm xác định lô hàng thuộc loại hàng hoá nguy hiểm, dễ hỏng... để chuẩn bị cho công tác lấy mẫu.

3. Mặt hàng yêu cầu phân tích phải lấy 02 mẫu, niêm phong hải quan riêng từng mẫu theo đúng quy định. Niêm phong hải quan không dán chèn lên thông tin thành phần và hướng dẫn sử dụng của hàng hoá. 02 mẫu có thể đựng chung vào một bao bì đóng gói cho mục đích vận chuyển và gửi đến Đội Kiểm định hải quan.

4. Các mặt hàng có Quy chuẩn Việt Nam, Tiêu chuẩn Việt Nam quy định cách thức lấy mẫu (ví dụ: phân bón, thức ăn chăn nuôi, thực phẩm...) hoặc có văn bản hướng dẫn lấy mẫu thì thực hiện lấy mẫu theo Quy chuẩn Việt Nam, Tiêu chuẩn Việt Nam hoặc văn bản hướng dẫn.

5. Trường hợp hàng hóa có kích thước lớn không thể lấy được 01 đơn vị thành phẩm gửi yêu cầu phân tích và việc tách lấy mẫu từ hàng hóa có thể làm sai lệch các tiêu chí để phân loại theo Chú giải HS và Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam, đơn vị yêu cầu chụp hình ảnh hàng hóa trước khi tiến hành lấy mẫu. Trên các hình ảnh hàng hóa chụp gửi kèm hồ sơ yêu cầu phân tích phải có chữ ký của người lấy mẫu (đơn vị lấy mẫu) và người chứng kiến (đơn vị xuất khẩu, nhập khẩu). Đồng thời, tại mục B. Kiểm tra thủ công Phiếu số 06/PGKQKT/GSQL phải mô tả chi tiết cảm quan, hình dạng, kích thước của hàng hoá.

Phần II

DỤNG CỤ LẤY MẪU, BAO BÌ ĐỰNG MẪU VÀ BAO BÌ VẬN CHUYỂN MẪU

1. Yêu cầu chung

Dụng cụ lấy mẫu và bao bì đựng mẫu phải sạch, trơ về mặt hoá học đối với mẫu để đảm bảo không đưa tạp chất vào mẫu trong quá trình vận chuyển, bảo quản và không gây nhiễm khuẩn đối với hàng hóa là thực phẩm.

2. Bao bì đựng mẫu và bao bì đóng gói vận chuyển

a) Bao bì đựng mẫu phải phù hợp với bản chất của hàng hóa và an toàn cho việc lấy mẫu, bảo quản và vận chuyển mẫu; bền, chắc về mặt cơ học, ít chịu ảnh hưởng của môi trường và phù hợp với đặc tính của từng loại hàng hoá; phải có nhãn mác về mẫu yêu cầu phân tích (tên hàng hoá theo khai báo; tên hàng hoá trong hợp đồng thương mại (nếu có); số, ngày của tờ khai hải quan...); phải có lưu ý trên nhãn nếu mẫu độc hại, nguy hiểm, dễ cháy nổ.

b) Các loại bao bì đựng mẫu thường dùng:

- Mẫu được đựng trong chai, lọ bằng thủy tinh trung tính hoặc nhựa hoặc kim loại, có nút kín. Lựa chọn bao bì đựng mẫu phù hợp đảm bảo không làm ảnh hưởng đến mẫu và an toàn trong quá trình vận chuyển. Các mẫu dễ phân hủy bởi ánh sáng được đựng trong chai, lọ tối màu. *Riêng axit Flohydric (HF) và muối của nó được đựng trong chai nhựa dày.*

- Túi nhựa, hộp nhựa được lựa chọn phải có kích thước phù hợp với quy định về lượng mẫu, trong suốt, có thể quan sát được mẫu đựng bên trong (trừ những mặt hàng đặc biệt phải đựng trong bao bì tối màu): dùng chứa các loại mẫu giấy, vải, tấm, phiến, màng, lá, viên, khối và các hình dạng khác trừ các loại lỏng, nhão, bột nêu trên. Túi nhựa có đáy làm kín cần được lộn ngược trước khi đưa mẫu vào.

c) Các loại bao bì đóng gói vận chuyển mẫu: Bao bì đóng gói vận chuyển phải chắc chắn, đảm bảo an toàn và đảm bảo mẫu không bị hỏng trong quá trình vận chuyển. Trong trường hợp mẫu yêu cầu bảo quản đặc biệt thì phải có bao bì đóng gói vận chuyển thích hợp và vận chuyển theo đúng quy định để đảm bảo chất lượng mẫu không bị thay đổi so với ban đầu. Nếu hàng hóa ở dạng khí thì phải có bình đựng chuyên dụng.

3. Các loại dụng cụ lấy mẫu

Máy cắt cầm tay, cưa sắt và cưa gỗ, kéo cắt sắt và cắt vải, thước các loại, kìm, búa, thìa lấy mẫu, phễu thủy tinh và inox, bộ sang chiết, giảm áp, gáo inox, bộ dụng cụ mở phuy, dao trích mẫu hoặc các dụng cụ lấy mẫu tương tự nhưng không làm ảnh hưởng bản chất của mẫu và các dụng cụ khác theo quy định tại Quy chuẩn Việt Nam, Tiêu chuẩn Việt Nam hoặc văn bản hướng dẫn áp dụng.

Phần III

BẢO HỘ LAO ĐỘNG

Khi lấy mẫu phải có đủ các trang thiết bị bảo hộ lao động cần thiết, phù hợp với từng loại hàng hoá, đảm bảo an toàn cho người lấy mẫu. Trang thiết bị bảo hộ lao động cá nhân bao gồm: mặt nạ phòng độc, quần áo bảo hộ lao động, đồ bảo hộ để phát hiện và chống các bức xạ, khâu trang, găng tay vải hoặc cao su, kính bảo hộ lao động, ủng cao su và các trang thiết bị bảo hộ lao động khác theo quy định tại Quy chuẩn Việt Nam, Tiêu chuẩn Việt Nam hoặc văn bản hướng dẫn áp dụng.

Phần IV

PHƯƠNG PHÁP LẤY MẪU VÀ KHỐI LƯỢNG MẪU CẦN LẤY

I. Phương pháp lấy mẫu

1. Trường hợp lô hàng đồng nhất thì chỉ cần lấy trong một đơn vị đóng gói tại các vị trí khác nhau (trên, dưới, giữa) rồi trộn đều thành một mẫu chung.

2. Trường hợp lô hàng nghi ngờ không đồng nhất thì phải lấy trên các bao gói khác nhau, ở các vị trí khác nhau (trên, dưới, giữa và các góc), sau đó trộn đều thành một mẫu chung.

3. Đối với hàng hóa ở dạng lỏng, trước khi lấy mẫu cần phải khuấy, lắc đều để tạo độ đồng nhất.

4. Đối với hàng hóa dạng rắn, dạng bột, trước khi lấy mẫu cần phải trộn đều, đảm bảo độ đồng nhất.

5. Đối với hàng hóa được đóng gói là bộ sản phẩm phải lấy cả bộ sản phẩm.

6. Đối với các mẫu sắt, thép: Các mẫu sắt thép được cắt bằng cơ khí phải làm mát liên tục để đảm bảo không làm biến đổi tính chất lý, hóa của sản phẩm. Lấy kèm thêm hoặc chụp hình nhãn mác (bằng giấy hoặc nhôm) thường được gắn kèm trên mỗi cuộn sắt, thép khi xuất xưởng và chụp ảnh mẫu thể hiện được bề mặt lớn, cạnh, mặt đầu, các góc cạnh và thông tin về kích thước thực tế hàng hóa.

7. Đối với mẫu kim loại khác: Ở dạng các thỏi, hoặc các cuộn, ... đồng nhất thì cắt mẫu đại diện ngẫu nhiên kèm ảnh chụp thể hiện thông tin về kích thước hàng hóa thực tế. Trường hợp nghi ngờ không đồng nhất thì lấy mẫu riêng biệt.

8. Đối với hàng hóa độc hại, dễ cháy nổ, nguy hiểm: Việc lấy mẫu phải được thực hiện bởi các chuyên gia trong các lĩnh vực thích hợp hoặc các cá nhân đã được đào tạo phù hợp để thực hiện việc lấy mẫu, phải trang bị bảo hộ lao động và lấy ở nơi thông thoáng; nếu mẫu dễ biến đổi do tác động của môi trường thì phải thao tác nhanh.

II. Khối lượng mỗi mẫu cần lấy:

1. Đối với các mặt hàng có Quy chuẩn Việt Nam, Tiêu chuẩn Việt Nam quy định cách thức lấy mẫu hoặc có văn bản hướng dẫn lấy mẫu thì thực hiện lấy mẫu theo Quy chuẩn Việt Nam, Tiêu chuẩn Việt Nam hoặc văn bản hướng dẫn. Đối với các trường hợp khác thì thực hiện lấy khối lượng mẫu như quy định tại mục này.

2. Đối với hàng hoá là hóa chất, sản phẩm hóa chất, thực phẩm, dược phẩm....:

a) Dạng thành phẩm hoặc đóng gói bán lẻ:

a.1) Hàng hóa là thực phẩm lấy nguyên đơn vị đóng gói.

a.2) Hàng hoá đóng gói bán lẻ có trọng lượng của một đơn vị đóng gói dưới 500gr hoặc 500ml: Lượng mẫu cần lấy phù hợp với đơn vị đóng gói, đảm bảo từ 250gr hoặc 250ml đến 500gr hoặc 500ml.

a.3) Hàng hoá đóng gói bán lẻ có trọng lượng của một đơn vị đóng gói lớn hơn 500gr hoặc 500ml: Lượng mẫu cần lấy là một đơn vị hàng hóa. Đối với hàng hóa đóng gói bán lẻ có trọng lượng của một đơn vị đóng gói lớn hơn 1000gr hoặc 1000ml: lượng mẫu cần lấy là 250gr-500gr hoặc 250ml-500ml và chụp hình bao bì đóng gói bán lẻ của hàng hóa.

b) Dạng chưa thành phẩm, chưa đóng gói bán lẻ hoặc ở dạng khác: Lượng mẫu cần lấy là 250gr - 500gr hoặc 250ml - 500ml. Riêng đối với một số hàng hóa sau thì lượng mẫu cần lấy là: sản phẩm của dầu mỏ lấy 1000ml/mẫu; quặng lấy 2kg/mẫu; xi măng, xi măng nhôm lấy 10kg/mẫu; phụ gia bê tông hay nghi ngờ là phụ gia bê tông ở dạng lỏng lấy 2000ml/mẫu.

3. Hàng hoá là các mặt hàng cơ khí điện tử:

Mẫu yêu cầu phân tích phải là một đơn vị nguyên chiếc, nguyên bộ, hoặc một bộ phận của chúng.

4. Hàng hoá là sắt thép và kim loại cơ bản khác:

a) Thép tròn chưa được sơn phủ mạ hoặc đã được sơn phủ mạ (kể cả loại có gân trên bề mặt):

a.1) Trường hợp nghi ngờ làm thép cốt bê tông

a.1.2) Thép tròn trơn cán nóng, dạng cuộn cuốn không đều (đường kính từ 8mm trở xuống); cáp thép dự ứng lực; các mặt hàng thép khai báo vào nhóm 98.39: Lấy 02 bộ mẫu, niêm phong riêng từng bộ mẫu. Mỗi bộ mẫu tối thiểu 06 đoạn thẳng, mỗi đoạn dài từ 600mm (0,6m) trở lên (Lưu ý không bẻ cong gập mẫu khi gửi phân tích phân loại).

a.1.3) Thép tròn trơn cán nóng, dạng cuộn cuốn không đều (đường kính trên 8mm): Lấy 02 bộ mẫu, niêm phong riêng từng bộ mẫu. Mỗi bộ mẫu tối thiểu 03 đoạn thẳng, mỗi đoạn dài từ 600mm (0,6m) trở lên. (Lưu ý không bẻ cong gập mẫu khi gửi phân tích phân loại).

a.2) Trường hợp không nghi ngờ làm thép cốt bê tông:

a.2.1) Đường kính từ 3mm đến dưới 5mm: Lấy mẫu dài tối thiểu 500mm (0,5m).

a.2.2) Đường kính từ 5mm đến dưới 10mm: Lấy mẫu dài tối thiểu dài 1500mm (1,5m).

a.2.3) Đường kính từ 10mm đến dưới 40mm: Lấy mẫu dài tối thiểu dài 200mm (0,2m).

a.2.4) Đường kính từ 40mm đến dưới 100mm: Lấy mẫu dài tối thiểu 100mm (0,1m).

a.2.5) Đường kính từ 100mm trở lên: Lấy mẫu dài tối thiểu 50mm. Trường hợp mẫu có đường kính lớn trên 250mm, có thể lấy một phần mẫu dạng hình bán nguyệt, kèm ảnh chụp mẫu hàng thực tế khi chưa lấy mẫu có xác nhận của đơn vị yêu cầu.

b) Thép dạng ống:

b.1) Đối với mặt hàng ống dẫn dầu dẫn khí, ống chịu áp lực cao: Lấy 02 bộ mẫu, niêm phong riêng từng bộ mẫu. Mỗi bộ mẫu gồm 02 đoạn thẳng, mỗi đoạn dài tối thiểu dài 1200mm (1,2m).

b.2) Đối với các loại ống khác: Lấy 02 bộ mẫu, niêm phong riêng từng bộ mẫu. Mỗi bộ mẫu gồm 01 đoạn thẳng, mỗi đoạn dài tối thiểu 400mm (Trường hợp đường kính ngoài lớn trên 100mm có thể lấy mẫu dài tối thiểu 200mm).

c) Các loại thép khác:

c.1) Dây thép làm lõi cáp nhôm dẫn điện chịu lực: Lấy 02 mẫu, niêm phong riêng từng bộ mẫu. Mỗi mẫu gồm 01 đoạn thẳng dài tối thiểu 1200mm (1,2 m).

c.2) Thép cán phẳng (đã được sơn phủ mạ hoặc chưa sơn phủ mạ):

Đo kích thước thực tế hàng hóa trước khi lấy mẫu và ghi vào mục 08 Phiếu yêu cầu phân tích.

Khi lấy mẫu: Lấy hai bộ mẫu, mỗi bộ gồm 02 tấm, mỗi tấm có kích thước tối thiểu 400mm x 400mm; đảm bảo chọn mẫu ở vị trí đại diện “thể hiện đúng bề mặt thực tế của hàng hóa”, bề mặt phải phẳng, không lồi lõm, cong vênh, biến dạng.

c.3) Phôi thép (bán thành phẩm) dạng phiến: Lấy mẫu có kích thước tối thiểu (60x60)mm tại vị trí đảm bảo có bề mặt đại diện (kèm ảnh chụp mẫu có xác nhận của Chi cục để khẳng định thông tin kích thước của mẫu thực nhập).

c.4) Phôi thép (bán thành phẩm) dạng thanh dài: Lấy mẫu chiều dài tối thiểu 50mm.

c.5) Cáp thép dự ứng lực: Lấy mẫu có chiều dài tối thiểu 1200mm (1,2m).

c.6) Cáp thép khác: Lấy mẫu có chiều dài tối thiểu 1000mm (1m).

c.7) Thép dạng thanh hình:

c.7.1) Chữ L, U...: Lấy mẫu chiều dài tối thiểu 100mm (0,1m).

c.7.2) Chữ H, I: Lấy 02 bộ mẫu, niêm phong riêng từng bộ mẫu, mỗi bộ gồm 02 đoạn, mỗi đoạn có chiều dài tối thiểu 500mm (0,5m).

d) Các kim loại cơ bản khác:

Lấy mẫu theo hướng dẫn tại các điểm a, điểm b, điểm c khoản 4, mục II, phần IV Phụ lục này với các sửa đổi tương ứng phù hợp.

5. Hàng hoá là các loại vải, nguyên liệu dệt:

a) Đối với mặt hàng xơ dệt: Lấy 100 gr/01 mẫu và chụp hình ảnh hàng hóa trước khi tiến hành lấy mẫu gửi kèm hồ sơ. Trên các hình ảnh hàng hóa chụp gửi kèm hồ sơ phải có chữ ký của người lấy mẫu (đơn vị lấy mẫu) và người chứng kiến (đơn vị xuất khẩu, nhập khẩu). Tại mục B. Kiểm tra thủ công Phiếu số 06/PGKQKT/GSQL phải mô tả chi tiết cảm quan, hình dạng, kích thước.

b) Đối với mặt hàng sợi dệt: Lấy nguyên mẫu 01 đơn vị sản phẩm (cuộn sợi/con sợi/búp sợi).

c) Đối với mặt hàng vải: Lấy tối thiểu 1m theo chiều dọc cuộn vải, giữ nguyên kích thước khổ vải, nên cắt cách đầu/cuối cuộn vải tối thiểu 2m, không lấy mẫu ở các vị trí vải tiếp xúc với bao bì hoặc lõi cuộn vải hay vị trí bị rách, bị thủng.

d) Đối với sản phẩm dệt/may: Lấy nguyên mẫu. Trường hợp sản phẩm dệt/may có kích thước lớn, tiến hành lấy mẫu để xác định thành phần nguyên liệu, kích thước tối thiểu 1m²/01 mẫu và chụp hình ảnh hàng hóa trước khi tiến hành lấy mẫu gửi kèm hồ sơ. Trên các hình ảnh hàng hóa chụp gửi kèm hồ sơ phải có chữ ký của người lấy mẫu (đơn vị lấy mẫu) và người chứng kiến (đơn vị xuất khẩu, nhập khẩu). Tại mục B. Kiểm tra thủ công Phiếu số 06/PGKQKT/GSQL phải mô tả chi tiết cảm quan, hình dạng, kích thước.

6. Hàng hoá là giấy, bột giấy:

a) Dạng tấm/dạng tờ: Lấy nguyên mẫu dạng tấm/tờ (5-10 tấm/tờ).

b) Dạng cuộn: Lấy tối thiểu 1m theo chiều dọc cuộn giấy, giữ nguyên kích thước khổ giấy, nên cắt cách đầu/cuối cuộn giấy tối thiểu 2m, không lấy mẫu ở các vị trí vải tiếp xúc với bao bì hoặc lõi cuộn giấy hay vị trí bị rách, bị thủng. Trường hợp giấy có kích thước lớn, tiến hành lấy mẫu có kích thước tối thiểu 1m²/01 mẫu và chụp hình ảnh hàng hóa trước khi tiến hành lấy mẫu gửi kèm hồ sơ. Trên các hình ảnh hàng hóa chụp gửi kèm hồ sơ phải có chữ ký của người lấy mẫu (đơn vị lấy mẫu) và người chứng kiến (đơn vị xuất khẩu, nhập khẩu). Tại mục B. Kiểm tra thủ công Phiếu số 06/PGKQKT/GSQL phải mô tả chi tiết cảm quan, hình dạng, kích thước.

c) Dạng bột: Lấy 500gr/mẫu và chụp hình ảnh hàng hóa trước khi tiến hành lấy mẫu gửi kèm hồ sơ. Trên các hình ảnh hàng hóa chụp gửi kèm hồ sơ phải có chữ ký của người lấy mẫu (đơn vị lấy mẫu) và người chứng kiến (đơn vị xuất

khẩu, nhập khẩu). Tại mục B. Kiểm tra thủ công Phiếu số 06/PGKQKT/GSQL phải mô tả chi tiết cảm quan, hình dạng, kích thước.

7. Hàng hoá là plastic, cao su không ở dạng nguyên sinh (lòng, bột, hạt, nhão...) thuộc khoản 2, mục II, phần IV Phụ lục này:

a) Dạng tấm, phiến, màng, lá, cuộn: Lấy 1m² hoặc 5 - 10 tờ.

b) Dạng thanh, que, ống, nẹp: Lấy 200mm. Với sản phẩm nhỏ hơn 200mm lấy cả sản phẩm.

c) Dạng thành phẩm: Lấy 2 chiếc (cái).

d) Nếu hàng hóa đóng gói trong bao bì phải đảm bảo kiểm tra được quy cách mẫu lấy mà không làm hỏng niêm phong.

7. Hàng hóa là sản phẩm thuộc chương 68, 69, 70 (Sản phẩm làm bằng đá, thạch cao, xi măng, amiăng, mica hoặc các vật liệu tương tự; đồ gốm, sứ; thủy tinh và các sản phẩm bằng thủy tinh):

Mẫu yêu cầu phân tích phải là 01 đơn vị thành phẩm. Trường hợp sản phẩm có kích thước lớn không thể lấy 01 đơn vị thành phẩm, tiến hành lấy mẫu và chụp hình ảnh hàng hóa trước khi tiến hành lấy mẫu gửi kèm hồ sơ. Trên các hình ảnh hàng hóa chụp gửi kèm hồ sơ phải có chữ ký của người lấy mẫu (đơn vị lấy mẫu) và người chứng kiến (đơn vị xuất khẩu, nhập khẩu). Tại mục B. Kiểm tra thủ công Phiếu số 06/PGKQKT/GSQL phải mô tả chi tiết cảm quan, hình dạng, kích thước.

*Lưu ý: Trường hợp mẫu phức tạp, không thể lấy mẫu được theo hướng dẫn trên thì đơn vị yêu cầu trao đổi trực tiếp với Chi cục Kiểm định hải quan hoặc các Đội Kiểm định hải quan nơi gửi yêu cầu phân tích để được hướng dẫn cụ thể./.

Phụ lục II

DANH MỤC MẪU BIỂU

(Ban hành kèm theo Thông tư số /2026/TT-BTC ngày tháng năm 2026 của Bộ Tài chính)

Mẫu số	Tên Biểu mẫu	Ký hiệu	Quy định tại
01	Phiếu yêu cầu phân tích hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu kiêm Biên bản lấy mẫu	01/PYCPT/2026	Điều 8
02	Phiếu tiếp nhận yêu cầu phân tích hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu	02/PTNYCPT/2026	Điều 9
03	Biên bản trả lại mẫu đã phân tích	03/BBTLMHH/2026	Điều 9
04	Thông báo kết quả phân tích, phân loại hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu	04/TBKQPTPL/2026	Điều 10
05	Phiếu ghi số, ngày văn bản, chứng từ thuộc hồ sơ hải quan liên quan đến mẫu hàng hoá	05/PGTL/2026	Điều 9

KHAI HẢI QUAN
(Ký, ghi rõ họ, tên)

dấu công chức)

(Ký, ghi rõ họ, tên, đóng
dấu)

NGƯỜI GIAO
(Ký, ghi rõ họ, tên)

NGƯỜI NHẬN
(Ký, ghi rõ họ, tên)

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
KĐHQ**
(Ký, ghi rõ họ tên, và đóng
dấu)

Ghi chú:

- Lập thành hai bản (1 bản lưu cùng hồ sơ lưu của Hải quan; 1 bản gửi trong hồ sơ phân tích).

- Giao mẫu cho cơ quan phân tích, mở niêm phong, bàn giao chi tiết mẫu.

- (15) Trường hợp vắng mặt đại diện người khai hải quan khi lấy mẫu thì phải có chữ ký của người chứng kiến là: doanh nghiệp hoặc cơ quan nhà nước tại khu vực cửa khẩu, đại diện doanh nghiệp vận tải, doanh nghiệp kinh doanh cảng, kho bãi trong trường hợp doanh nghiệp vắng mặt;

CỤC HẢI QUAN
TÊN CQ PHÂN TÍCH HẢI
QUAN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/PTPL-NV

....., ngày tháng năm

**PHIẾU TIẾP NHẬN YÊU CẦU PHÂN TÍCH HÀNG HÓA XUẤT KHẨU,
NHẬP KHẨU**

- Thời gian tiếp nhận yêu cầu phân tích: ngày tháng năm
- Phiếu yêu cầu phân tích kèm biên bản lấy mẫu số: ngày
- Đơn vị yêu cầu phân tích:
- Tên mẫu theo khai báo:
- Số tờ khai hải quan: ngày tháng năm
- Số giấy chứng nhận xuất xứ (C/O):.... ngày tháng..... năm
- Đơn vị XK, NK/Tổ chức, cá nhân:
- Số lượng mẫu:
- Phân công thực hiện phân tích và lưu ý:

THỦ TRƯỞNG ĐƠN VỊ
(Ký, ghi rõ họ tên, và đóng dấu)

Ghi chú: Trường hợp Phiếu yêu cầu phân tích hàng hóa đề nghị xác định trước mã số, không yêu cầu điền các thông tin tờ khai hải quan

CHI CỤC KIỂM ĐỊNH HẢI QUAN
ĐỘI KIỂM ĐỊNH HẢI QUAN

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số:/PTPL-NV

....., ngày tháng năm

BIÊN BẢN TRẢ LẠI MẪU ĐÃ PHÂN TÍCH

..... (tên cơ quan phân tích hải quan) quyết định trả lại mẫu đã phân tích như sau:

- Thời gian trả lại mẫu: giờ ngày tháng năm
- Tên mẫu trả lại (theo khai báo):
- Số tờ khai hải quan: Thông báo kết quả phân tích số:
- Số lượng mẫu trả lại:
- Đơn vị đề nghị trả lại mẫu:.....
- Công văn đề nghị trả lại mẫu số: Ngày.... tháng.... năm
- Người nhận lại mẫu (họ tên, thông tin CMTND hoặc hộ chiếu, tên doanh nghiệp, cơ quan xin nhận lại mẫu):
- Giấy ủy quyền nhận lại mẫu (nếu có): Ngày.... tháng.... năm
- Người trả lại mẫu:
- Lưu ý:

Chủ hàng cam đoan đã nhận lại mẫu và không khiếu nại về kết quả phân tích đối với mẫu hàng này sau khi đã được nhận lại mẫu.

**NGƯỜI NHẬN LẠI
MẪU**

(Ký, ghi rõ họ, tên)

**NGƯỜI TRẢ LẠI
MẪU**

(Ký, ghi rõ họ, tên)

**THỦ TRƯỞNG ĐƠN
VỊ**

(Ký, ghi rõ họ, tên và
đóng dấu)

Ghi chú:

- Công văn đề nghị trả lại mẫu ghi rõ tên người nhận lại mẫu, thông tin CMTND hoặc hộ chiếu và nội dung cam đoan nêu trên;
- Giấy ủy quyền nhận lại mẫu áp dụng cho đại lý hải quan hoặc trường hợp chủ hàng quyết định ủy quyền cho một đại diện hợp pháp để nhận lại mẫu.

ĐƠN VỊ KIỂM ĐỊNH HẢI
QUAN.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /TBKQPTPL-...

Hà Nội, ngày tháng năm

THÔNG BÁO

Về kết quả phân tích, phân loại đối với hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu

Căn cứ Luật Hải quan số 54/2014/QH13 ngày 23/6/2014;

Căn cứ Nghị định số 08/2015/NĐ-CP ngày 21/01/2015 của Chính phủ quy định chi tiết và biện pháp thi hành Luật Hải quan về thủ tục hải quan, kiểm tra giám sát, kiểm soát hải quan, được sửa đổi, bổ sung tại Nghị định số 167/2025/NĐ-CP ngày 30/6/2025 của Chính phủ;

Căn cứ Thông tư số/2026/TT-BTC ngày/...../2026 của Bộ trưởng Bộ Tài chính hướng dẫn về phân loại hàng hóa, phân tích để phân loại hàng hóa;

Căn cứ Thông tư số 31/2022/TT-BTC ngày 08/6/2022 của Bộ trưởng Bộ Tài chính về việc ban hành Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam;

Cơ quan kiểm định hải quan... thông báo kết quả phân tích, phân loại hàng hóa như sau:

1. Tên hàng theo khai báo:

.....

2. Tóm tắt mô tả và đặc tính hàng hóa:

Kết quả phân tích hàng hoá và các thông tin khác về thuộc tính của hàng hoá (như công dụng, quy trình sản xuất,... *nếu ảnh hưởng đến việc xác định bản chất hàng hóa*):

.....

3. Kết quả phân loại:

Mô tả hàng hóa theo Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam (nêu rõ các thuộc tính khác như công dụng, quy trình sản xuất,... *nếu ảnh hưởng đến việc phân loại*):

.....

Tên gọi theo cấu tạo, công dụng: Mã số phân loại hàng hoá theo Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam:

thuộc nhóm..., phân nhóm..., mã số tại Danh mục hàng hóa xuất khẩu, nhập khẩu Việt Nam./.

Thông báo này có hiệu lực kể từ ngày ban hành./.

**THỦ TRƯỞNG CƠ QUAN KIỂM
ĐỊNH HẢI QUAN**

(Ký, ghi rõ họ, tên, và đóng dấu)

Nơi nhận:

- LĐ Chi Cục KDHQ (để báo cáo);
- Các Chi cục HQKV (để t/hiện);
- Ban Nghiệp vụ thuế hải quan;
- Website Hải quan;
- Lưu: VT, (đơn vị XL)-(CV xử lý hồ sơ) (3b).

Phụ lục thông báo

(Ban hành kèm theo Thông báo số)

1. Đơn vị xuất khẩu/nhập khẩu:

Địa chỉ:

MST:

2. Số, ngày tờ khai hải quan tại Hải quan cửa khẩu/ngoài cửa khẩu (Chi cục Hải quan)

3. Ký hiệu sản phẩm (nếu có):

4. Quy trình sản xuất (nếu có):

TÊN CƠ QUAN CHỦ QUẢN
TÊN ĐƠN VỊ YÊU CẦU PHÂN TÍCH

**PHIẾU GHI SỐ, NGÀY VĂN BẢN, CHỨNG TỪ THUỘC HỒ SƠ
HẢI QUAN LIÊN QUAN ĐẾN MẪU HÀNG HOÁ**

STT	Tên tài liệu	Đơn vị yêu cầu phân tích
(1)	(2)	(3)
1	Phiếu yêu cầu phân tích kiêm biên bản lấy mẫu/Phiếu yêu cầu kiểm tra, đánh giá tiêu chí kỹ thuật hàng hoá xuất khẩu, nhập khẩu bằng máy móc, thiết bị tại cơ quan kiểm định hải quan kiêm Biên bản lấy mẫu hàng hóa	<input type="checkbox"/>
2	Phiếu ghi kết quả kiểm tra thực tế hàng hóa (<i>mẫu số 06/PGKQKT/GSQL</i>)	<input type="checkbox"/>
3	Các tài liệu liên quan khác (nếu có: Ghi cụ thể tên các tài liệu): - -	<input type="checkbox"/>
4	Tổng số tờ tài liệu:	

Ghi chú:

- Đánh dấu "X" vào ô nếu có tài liệu đính kèm hồ sơ

....., ngày... tháng...năm
Công chức bàn giao
hồ sơ yêu cầu phân tích
(Ký, ghi rõ họ tên)

....., ngày... tháng...năm
Chuyên viên nhận hồ sơ
tại Đội Kiểm định hải quan...
(Ký, ghi rõ họ tên)